



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỒ TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ NHNN CHI NHÁNH TỈNH, TP KHU VỰC TÂY NAM BỘ NĂM 2023**

(Đính kèm Thông báo số 72 /TB-NHNN ngày 23 /02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
		NHNN CHI NHÁNH AN GIANG: 03 chỉ tiêu CV TTGSNH									
1	TTGS4043	Nguyễn Đoan	Trang		11-03-1993	CN An Giang	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
2	TTGS4021	Phạm Thanh	Phong	17-09-1989		CN An Giang	CV TTGSNH	5	74	79	Trúng tuyển
3	TTGS4035	Ngô Thị Anh	Thư		07-01-1990	CN An Giang	CV TTGSNH		74	74	Trúng tuyển
4	TTGS4003	Võ Phạm Ngọc	Hiền		30-07-1980	CN An Giang	CV TTGSNH		72	72	
5	TTGS4027	Nguyễn Tấn	Quý	30-12-1996		CN An Giang	CV TTGSNH		71	71	
6	TTGS4004	Hồ Đăng	Hiền	12-01-1989		CN An Giang	CV TTGSNH		70	70	
7	TTGS4044	Võ Thị Ái	Trinh		20-03-1986	CN An Giang	CV TTGSNH		70	70	
8	TTGS4047	Phạm Kim	Tuyển		28-05-2000	CN An Giang	CV TTGSNH		70	70	
9	TTGS4012	Võ Thị Bé	Năm		07-01-1994	CN An Giang	CV TTGSNH		69	69	
10	TTGS4026	Trần Phạm	Quang	01-01-1990		CN An Giang	CV TTGSNH		69	69	
11	TTGS4031	Đặng Thị Phương	Thảo		27-05-1995	CN An Giang	CV TTGSNH		69	69	
12	TTGS4033	Lưu Hải	Thông	25-08-1996		CN An Giang	CV TTGSNH		69	69	
13	TTGS4038	Nguyễn Đức	Tiến	19-10-1989		CN An Giang	CV TTGSNH	5	64	69	
14	TTGS4005	Nguyễn Thanh	Lâm	09-03-1986		CN An Giang	CV TTGSNH		68	68	
15	TTGS4014	Lê Thái Y	Ngọc		28-10-1993	CN An Giang	CV TTGSNH		68	68	
16	TTGS4030	Lê Minh Trí	Thành	21-09-1994		CN An Giang	CV TTGSNH		68	68	
17	TTGS4015	Lưu Minh	Ngọc	11-03-1990		CN An Giang	CV TTGSNH		66	66	
18	TTGS4034	Nguyễn Thị Mỹ	Thu		03-08-1995	CN An Giang	CV TTGSNH		66	66	
19	TTGS4016	Nguyễn Thanh	Nhã	09-06-1999		CN An Giang	CV TTGSNH		65	65	
20	TTGS4020	Phạm Phương	Nhi		11-06-1999	CN An Giang	CV TTGSNH		65	65	
21	TTGS4050	Lê Quang	Vinh	24-01-1995		CN An Giang	CV TTGSNH		65	65	
22	TTGS4032	Nguyễn Đình Anh	Thi		16-12-1990	CN An Giang	CV TTGSNH		62	62	
23	TTGS4017	Nguyễn Ngọc	Nhi		24-11-2000	CN An Giang	CV TTGSNH		60	60	
24	TTGS4025	Thái Thị Yến	Phượng		07-11-1997	CN An Giang	CV TTGSNH		60	60	
25	TTGS4028	Trương Xuân Khánh	Quỳnh		06-08-1986	CN An Giang	CV TTGSNH		60	60	
26	TTGS4036	Ngô Bạch	Thùy		06-10-1986	CN An Giang	CV TTGSNH		58	58	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHNN CHI NHÁNH CÀ MAU: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS4064	Phan Nguyễn Phương Lam		04-8-1998	CN Cà Mau	CV TTGSNH		78	78	Trúng tuyển
2	TTGS4059	Đinh Thanh Hà		13-02-1991	CN Cà Mau	CV TTGSNH		76	76	
3	TTGS4062	Phù Quốc Hiệp	22-06-1994		CN Cà Mau	CV TTGSNH	5	70	75	
4	TTGS4074	Phi Mỹ Trình		25-02-1990	CN Cà Mau	CV TTGSNH		70	70	
5	TTGS4075	Nguyễn Trí Tuệ	14-8-1990		CN Cà Mau	CV TTGSNH		68	68	
6	TTGS4056	Trang Thành Công	25-03-2000		CN Cà Mau	CV TTGSNH		67	67	
7	TTGS4057	Phạm Cẩm Đan		26-8-1990	CN Cà Mau	CV TTGSNH		67	67	
8	TTGS4067	Trịnh Hồ Vũ Ngân	16-9-1998		CN Cà Mau	CV TTGSNH		66	66	
9	TTGS4073	Nguyễn Kiều Trang		15-4-1987	CN Cà Mau	CV TTGSNH		66	66	
10	TTGS4072	Võ Nhật Hoài Thương		15-08-1993	CN Cà Mau	CV TTGSNH	5	60	65	
11	TTGS4070	Lê Trần Phương Quyên		02-02-1992	CN Cà Mau	CV TTGSNH		63	63	
NHNN CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS4128	Nguyễn Thành Vương	29-10-1999		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		75	75	Trúng tuyển
2	TTGS4129	Lê Thị Hà Xuyên		22-10-1997	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		74	74	Trúng tuyển
3	TTGS4109	Bùi Thu Thảo		15-7-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		72	72	
4	TTGS4097	Nguyễn Thanh Nghị	26-05-1995		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		71	71	
5	TTGS4089	Nguyễn Hiếu Kiên	27-07-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		69	69	
6	TTGS4119	Lê Hữu Trần	02-01-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		68	68	
7	TTGS4110	Dương Đình Thị		02-10-1988	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	5	62	67	
8	TTGS4125	Trần Nhật Trường	09-5-1991		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		66	66	
9	TTGS4080	Tào Nhi Anh		31-12-1993	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		65	65	
10	TTGS4130	Nguyễn Thị Bảo Yến		02-12-1986	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		65	65	
11	TTGS4090	Huỳnh Ái Linh		09-05-1999	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		64	64	
12	TTGS4100	Nguyễn Thị Bích Ngọc		20-11-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH	5	59	64	
13	TTGS4081	Ngô Mạnh Cường	25-11-1990		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		63	63	
14	TTGS4088	Lê Hữu Hưng	19-09-1988		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		63	63	
15	TTGS4093	Trần Thị Hồng My		10-02-1992	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		63	63	
16	TTGS4104	Trần Huỳnh Nhi		05-05-1999	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		63	63	
17	TTGS4105	Nguyễn Thị Trúc Phương		10-11-1985	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		63	63	
18	TTGS4120	Mã Lê Diễm Trang		01-01-1989	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		62	62	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
19	TTGS4076	Phan Thị Mỹ Ái		04-09-2001	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		61	61	
20	TTGS4121	Trần Thị Thuý Trang		02-02-1997	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		61	61	
21	TTGS4082	Lý Vĩ Dân	10-11-2000		CN Cần Thơ	CV TTGSNH	5	55	60	
22	TTGS4086	Đặng Hồng Hạnh		26-06-1998	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		60	60	
23	TTGS4124	Mai Trúc		17-03-1996	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		60	60	
24	TTGS4079	Nguyễn Tuấn Anh	19-10-1998		CN Cần Thơ	CV TTGSNH		58	58	
25	TTGS4084	Huỳnh Phương Dung		15-08-1989	CN Cần Thơ	CV TTGSNH		58	58	
26	TTGS4096	Nguyễn Thị Nga		17-04-1997	CN Cần Thơ	CV TTGSNH				Vắng
NHNN CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP: 03 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS4136	Lê Thị Bảo Châu		30-08-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		78	78	Trúng tuyển
2	TTGS4165	Cao Xuân Ý Nhi		21-12-1994	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		77	77	Trúng tuyển
3	TTGS4195	Phan Thị Xuân Yển		15-04-1991	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		75	75	Trúng tuyển
4	TTGS4149	Trần Lê Nhật Linh		02-06-1990	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		74	74	
5	TTGS4176	Nguyễn Thiên Thanh		17-12-1991	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		73	73	
6	TTGS4141	Lê Thị Hồng Hạnh		20-11-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		72	72	
7	TTGS4155	Nguyễn Phạm Ngọc Minh		27-01-1999	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		71	71	
8	TTGS4186	Trịnh Quang Tín	12-01-1993		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		71	71	
9	TTGS4188	Trần Thị Thu Trang		20-10-1993	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		70	70	
10	TTGS4192	Nguyễn Thanh Vy		10-06-1985	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		70	70	
11	TTGS4146	Phạm Duy Khương	22-01-2001		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		69	69	
12	TTGS4152	Nguyễn Văn Lý	26-07-1989		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		69	69	
13	TTGS4180	Trần Phương Thảo		02-11-1993	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		69	69	
14	TTGS4132	Lâm Vinh Ái		13-01-1998	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		68	68	
15	TTGS4150	Lê Thị Cẩm Loan		20-12-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		68	68	
16	TTGS4168	Nguyễn Hữu Phúc	26-09-1998		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		68	68	
17	TTGS4174	Trần Yển Sơn		13-11-1992	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		68	68	
18	TTGS4134	Nguyễn Thiên Bảo	05-02-1996		CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		67	67	
19	TTGS4142	Trần Thị Hậu		16-12-1990	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		67	67	
20	TTGS4153	Phạm Thị Nhựt Mai		04-08-2000	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		67	67	
21	TTGS4170	Nguyễn Thị Kiều Phương		09-05-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		66	66	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
22	TTGS4157	Lương Thị Ngọc	Mỹ		20-05-1998	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		65	65	
23	TTGS4164	Phan Bảo	Ngọc		23-06-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		64	64	
24	TTGS4193	Trịnh Thị Thúy	Vy		08-01-2001	CN Đồng Tháp	CV TTGSNH		62	62	
NHNN CHI NHÁNH HẬU GIANG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH											
1	TTGS4198	Danh Ngọc	Diễm		30-12-1998	CN Hậu Giang	CV TTGSNH	5	69	74	Trúng tuyển
2	TTGS4209	Tổng Thúy	Phương		9-3-1994	CN Hậu Giang	CV TTGSNH		65	65	
3	TTGS4200	Ngô Gia	Học	26-9-1991		CN Hậu Giang	CV TTGSNH		64	64	
4	TTGS4202	Nguyễn Thúy	Kiều		5-1-1993	CN Hậu Giang	CV TTGSNH		62	62	
5	TTGS4203	Trần Thị Diễm	Kiều		12-7-1993	CN Hậu Giang	CV TTGSNH		60	60	
NHNN CHI NHÁNH KIÊN GIANG: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH											
1	TTGS4226	Vân Thị Ngọc	Hạnh		09/06/1989	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		70	70	Trúng tuyển
2	TTGS4241	Nguyễn Kim	Ngân		15/06/1992	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		68	68	Trúng tuyển
3	TTGS4240	Bùi Thúy	Nga		03/06/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	5	62	67	
4	TTGS4242	Nguyễn Thị Kim	Nguyên		20/11/1994	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		65	65	
5	TTGS4246	Trần Thị Ngọc	Nhung		07/08/1987	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		65	65	
6	TTGS4251	Trần Thị Kim	Thăng		10/05/1988	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		65	65	
7	TTGS4217	Nguyễn Thanh	Bình	15/10/1993		CN Kiên Giang	CV TTGSNH		64	64	
8	TTGS4244	Phạm Quỳnh	Như		18/12/1997	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		64	64	
9	TTGS4245	Tạ Hồng	Nhung		26/08/1994	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	5	59	64	
10	TTGS4256	Bùi Thị Thúy	Yên		25/06/1992	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		64	64	
11	TTGS4233	Lưu Phương	Huyền		03/04/1993	CN Kiên Giang	CV TTGSNH	5	58	63	
12	TTGS4248	Hoàng Thị Hồng	Phúc		03/02/1987	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		63	63	
13	TTGS4215	Nguyễn Thị Kim	Anh		20/01/1990	CN Kiên Giang	CV TTGSNH		60	60	
14	TTGS4227	Trần Hà Đức	Hiển	22/8/2001		CN Kiên Giang	CV TTGSNH		58	58	
15	TTGS4232	Nguyễn Thanh	Huy	21/9/1999		CN Kiên Giang	CV TTGSNH				Vắng
NHNN CHI NHÁNH SÓC TRĂNG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH											
1	TTGS4267	Ngô Như	Ngọc		04-7-1989	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	5	77	82	Trúng tuyển
2	TTGS4264	Nguyễn Lê Kim	Ngân		29-10-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		76	76	
3	TTGS4271	Mã Ngọc	Phương		13-10-1998	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	5	69	74	
4	TTGS4277	Đào Thị Tú	Trần		01-11-1991	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		73	73	
5	TTGS4278	Trần Thị Thiên	Trang		10-01-1993	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		71	71	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phông vấn	Tổng điểm	Ghi chú
6	TTGS4259	Dương Ngọc	Hân		24-11-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		70	70	
7	TTGS4262	Nguyễn Thị Ngọc	Minh		20-8-1988	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		70	70	
8	TTGS4272	Lâm Sa Rây	Rot		29-9-1993	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH	5	64	69	
9	TTGS4269	Trần Vương Yến	Nhi		18-9-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		65	65	
10	TTGS4274	Nguyễn Phạm Phương	Thảo		08-10-1999	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		60	60	
11	TTGS4257	Đặng Thị Thùy	Dung		03-4-2000	CN Sóc Trăng	CV TTGSNH		58	58	

✓

